

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/8/2022  
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tần;  
Bà Bùi Thị Hảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Đức Kiên – sinh năm 1990

*HKTT:* Khu Trường A, phường Hùng V, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Thúy – sinh năm 1991

*HKTT:* Khu Trường A, phường Hùng V, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ

Hiện chị T đang ở Singapore.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1970

*HKTT:* Khu 3, xã Hà L, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Trần Đức K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kim T đăng ký kết hôn ngày 14/12/2015 tại UBND phường Trường T (nay là phường Hùng V), thị xã Phú T,

tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tình cảm. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại: khu Trường A, phường Hùng V, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ. Đến tháng 8/2016, vợ chồng anh chị sinh được cháu Trần Anh T. Sau khi sinh cháu T, anh chị vẫn chung sống hòa hợp đến năm 2017 thì chị T đưa con trai về nhà bố mẹ đẻ tại: khu 3, xã Hà L, thị xã Phú T sinh sống. Kể từ đó, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Dù đã được hai bên gia đình vun vén, khuyên răn nhưng anh chị vẫn không thể hòa hợp được và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 30/8/2016. Cháu T đang ở với ông bà ngoại tại khu 3, xã Hà L, thị xã Phú T. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu T cho mẹ cháu là chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Bản thân anh đi làm xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương nên không thể đảm bảo điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng cháu T. Do đó, trong thời gian chị T ở nước ngoài, bà Lê Thị H là mẹ đẻ chị T sẽ tạm thời nuôi dưỡng cháu. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc xa nhà nên xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

*Tại Bản tự khai ngày 18/4/2022 và các lời khai tiếp theo, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với nội dung trình bày của anh K về thời gian, địa điểm kết hôn và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nay anh K có nguyện vọng muốn ly hôn, chị nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 30/8/2016. Cháu T đang ở với ông bà ngoại tại khu 5, xã Hà L, thị xã Phú T. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Nếu được nuôi cháu T, chị không đề nghị anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung và sẽ tạo điều kiện, không cản trở anh K thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

Hiện nay chị đang sinh sống và làm việc tại Singapore, không thể về để trực tiếp tham gia vào quá trình giải quyết tại Tòa án được, chị đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

*Tại Bản tự khai ngày 11/5/2022 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Kim T. Bà thống nhất trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung của anh K và chị T như lời khai của anh chị. Con chung của anh K, chị T là cháu Trần Anh T hiện đang sống cùng ông bà tại khu 5, xã Hà L, thị xã Phú T. Bà đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành và bà sẽ tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi chị T về Việt Nam. Hiện nay chị T đang ở Singapore, vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại, bà đồng ý nhận thay chị T các văn bản tố tụng của Tòa án, cam kết sẽ thông báo nội dung văn bản và giao lại cho chị T khi chị T về nước.

Do điều kiện công việc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức K và chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 30/8/2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm giao cháu T cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị T về nước. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh K, chị T mỗi người phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T có hộ khẩu thường trú tại khu Trường A, phường Hùng Vương, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ. Bản tự khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị T có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore, đủ cơ sở để xác định chị T hiện đang sinh sống tại Singapore. Theo quy định tại khoản 3

Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Chị T đang ở nước ngoài nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh K, chị T và bài H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Đức K và chị Nguyễn Thị Kim T đăng ký kết hôn ngày 14/12/2015 tại UBND phường Trường T (nay là phường Hùng V), thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Anh K và chị T đều thống nhất trình bày giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dù đã được hai bên gia đình vun vén nhưng không thể hòa hợp được và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không tồn tại; anh K và chị T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh K và chị T.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định anh K và chị T có 01 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 30/8/2016, hiện đang sống cùng ông bà ngoại. Khi ly hôn, anh K và chị T đều đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Anh K và chị T thống nhất quan điểm về việc nuôi con chung sau ly hôn trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần được chấp nhận. Do chị T đang ở Hàn Quốc nên cần tạm giao cháu T cho bà Lê Thị H – là mẹ đẻ của chị T tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng; bài H cũng có quan điểm đồng ý sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi chị T về nước đón cháu.

Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh K và chị T đều xác định vợ chồng không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh K và chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức K và chị Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 30/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, tạm giao cháu Trần Anh T cho bà Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi chị T về nước đón cháu.

Anh Trần Đức K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu.

Anh Trần Đức K có quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Đức K phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000172 ngày 06/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho anh K 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp.

Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Anh Trần Đức K và bà Lê Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Hùng Vương;
- Lưu: HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thùy Hương**